

Số: /TTr-TCKH

Phan Rang - Tháp Chàm, ngày tháng 3 năm 2024

## TỜ TRÌNH

**Phê duyệt giá bán tài sản thanh lý phá dỡ thu hồi vật liệu trên mặt bằng xây dựng công trình Nâng cấp Trụ sở Ủy ban nhân dân phường Mỹ Bình sau khi trừ chi phí tháo dỡ, vận chuyển xà bần đi đổ nơi khác để hoàn trả mặt bằng cho công trình thi công**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận quy định phân cấp quản lý tài sản công của tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Nghị quyết số 32/2023/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 2 Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận quy định phân cấp quản lý tài sản công của tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của Chủ tịch UBND thành phố về việc thành lập Hội đồng định giá tài sản thanh lý tháo dỡ tài sản trên mặt bằng xây dựng công trình Nâng cấp Trụ sở Ủy ban nhân dân phường Mỹ Bình;

Căn cứ Biên bản định giá tài sản phá dỡ bán vật liệu thu hồi tài sản trên mặt bằng Trụ sở Ủy ban nhân dân phường Mỹ Bình ngày 02 tháng 02 năm 2024;

Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố kính đề nghị UBND thành phố phê duyệt giá bán tài sản thanh lý tháo dỡ bán vật liệu thu hồi Trụ sở Ủy ban nhân dân phường Mỹ Bình và tổ chức đấu giá tài sản, cụ thể như sau:

**A. Giá trị vật liệu thu hồi tháo dỡ và bán vật liệu thu hồi Trụ sở Ủy ban nhân dân phường Mỹ Bình:**

**I. Hội trường:**

Nhà 01 tầng:  $(19,65 \times 6,2) = 121,83 \text{ m}^2$

1. Cửa đi chính 2 cánh (sắt + kính):  $48,24 \text{ m}^2 \times 900.000 \text{ đ/m}^2 \times \text{Tỷ lệ còn lại } 25\% = 9,36 \times 900.000 \times 25\% = 10.854.000 \text{ đồng.}$

2. Mái lole kẽm: diện tích  $121,83 \text{ m}^2 \times 71.000 \text{ đồng/ m}^2 \times \text{Tỷ lệ còn lại } 25\% = 121,83 \times 71.000 \times 25\% = 2.162.483 \text{ đồng.}$

Tổng cộng (1 + 2) =  $10.854.000 + 2.162.483 = \mathbf{13.016.483}$  đồng.

## II. Trụ sở UBND phường:

Nhà 02 tầng:

- Diện tích xây dựng tầng 1:  $20,7 \times 9,85 = 203,895 \text{ m}^2$

- Diện tích sàn tầng 2:  $203,895 \text{ m}^2$

- Seno vươn ra:  $3,5 \times 5 = 17,5 \text{ m}^2$

1. Cửa sổ sắt + kính:  $95,44 \text{ m}^2 \times 900.000 \text{ đ/m}^2 \times 25\% = 95,44 \times 900.000 \times 25\% = 21.474.000 \text{ đồng.}$

2. Mái lole kẽm: diện tích  $16,2 \text{ m}^2 \times 96.000 \text{ đồng/ m}^2 \times \text{Tỷ lệ còn lại } 25\% = 16,2 \times 96.000 \times 25\% = 388.800 \text{ đồng}$

Tổng cộng: (1 + 2) =  $21.474.000 + 388.800 = \mathbf{21.862.800}$  đồng.

## III. Khối Đăng ủy:

1. Cửa đi sắt + kính tổng diện tích:  $9,09 \text{ m}^2 \times 900.000 \text{ đ/m}^2 \times \text{Tỷ lệ còn lại } 25\% = 9,09 \times 900.000 \times 25\% = 2.045.250 \text{ đồng.}$

2. Khung lấy sáng tổng diện tích:  $24,27 \text{ m}^2 \times 900.000 \text{ đ/m}^2 \times 25\% = 24,27 \text{ m}^2 \times 600.000 \times 25\% = 3.640.500 \text{ đồng.}$

3. Mái tole kẽm:  $171,36 \text{ m}^2 \times 71.000 \text{ đ/m}^2 \times 25\% = 171,36 \times 71.000 \times 25\% = 3.041.640 \text{ đồng.}$

Tổng cộng: (1 + 2 + 3) =  $2.045.250 + 3.640.500 + 3.041.640 = \mathbf{8.727.390}$  đồng.

## IV. Nhà quân sự 02 tầng:

Tổng diện tích  $[(7,1 \text{ m} \times 7,3 \text{ m}) \times 2] = 103,66 \text{ m}^2;$

1. Cửa đi sắt + kính tổng diện tích:  $29,47 \text{ m}^2 \times 900.000 \text{ đ/m}^2 \times \text{Tỷ lệ còn lại } 25\% = 29,47 \times 900.000 \times 25\% = 6.630.750 \text{ đồng.}$

2. Khung sắt:  $0,5 \text{ m}^2 \times 600.000 \text{ đ/m}^2 \times \text{Tỷ lệ còn lại } 25\% = 0,5 \times 600.000 \times 25\% = 75.000 \text{ đồng.}$

3. Xà gồ C (40 x 80) dày 1,5mm; dài 7m; 7 cây:  $x 53.000 \text{ đ/md} \times \text{Tỷ lệ còn lại } 25\% = 49 \times 53.000 \times 25\% = 649.250 \text{ đồng.}$

4. Laphong tole kẽm lạnh:  $[(7 \text{ m} \times 6,5 \text{ m}) \times 2] \text{ m}^2 \times \text{Giá } 80.000 \text{ đồng/m}^2; \text{ Tỷ lệ còn lại } 25\% = 9,1 \times 80.000 \times 25\% = 1.820.000 \text{ đồng.}$

Tổng cộng: (1 + 2 + 3 + 4) =  $6.630.750 + 75.000 + 649.250 + 1.820.000 = \mathbf{9.175.000}$  đồng.

## V. Khung sắt hàng rào trước UBND phường Mỹ Bình:

1. Khung sắt hàng rào và cửa cổng trước tổng diện tích:  $99,88 \text{ m}^2 \times 600.000 \text{ đồng/m}^2 \times 25\% = 99,88 \times 600.000 \times 25\% = 14.982.000 \text{ đồng}$ .

2. Khung sắt và lan can cầu thang:  $14,85 \text{ m}^2 \times 1.100.000 \text{ đồng/m}^2 \times 25\% = 14,85 \times 1.100.000 \times 25\% = 4.083.750 \text{ đồng}$ .

Tổng cộng:  $14.982.000 + 4.083.750 = \mathbf{19.065.750}$  đồng.

\* **Tổng giá trị vật liệu thu hồi:**  $(\text{I} + \text{II} + \text{III} + \text{IV} + \text{V}) = 13.016.483 + 21.862.800 + 8.727.390 + 9.175.000 + 19.065.750 = \mathbf{71.874.423}$  đồng.

\* **Chi phí tháo dỡ, đập phá và vận chuyển xà bần đi đổ nơi khác để trả mặt bằng cho đơn vị thi công:**

Căn cứ Quyết định số 57/2023/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận Quy định bảng giá nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, trong đó có đơn giá công tháo dỡ mái ngói, mái tôn (cả hệ đỡ) có giá mái tôn, hệ đỡ kết cấu gỗ là 90.000 đồng/m<sup>2</sup>.

Hội đồng đi đến thống nhất chi phí tháo dỡ, đập phá, vận chuyển xà bần đi đổ nơi khác để hoàn trả mặt bằng áp dụng công tháo dỡ mái tôn, mái ngói (cả hệ đỡ) có giá mái tôn, hệ đỡ kết cấu gỗ là 90.000 đồng/m<sup>2</sup> tại Quyết định số 57/2023/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận để tính chi phí tháo dỡ.

Tổng diện tích các dãy nhà tháo dỡ:

1. Hội trường nhà 01:  $121,83 \text{ m}^2 \times 90.000 \text{ đồng/m}^2 = 10.964.700 \text{ đồng}$ .

2. Nhà quân sự 02 tầng tổng diện tích sàn:  $103,66 \text{ m}^2 \times 90.000 \text{ đồng/m}^2 = 9.329.400 \text{ đồng}$ .

3. Trụ sở UBND phường 02 tầng tổng diện tích sàn:  $425,29 \text{ m}^2 \times 90.000 \text{ đồng/m}^2 = 38.276.100 \text{ đồng}$

Tổng cộng:  $(1 + 2 + 3) = 10.964.700 + 9.329.400 + 38.276.100 = \mathbf{58.570.200}$  đồng.

\* **Giá trị vật liệu thu hồi sau khi trừ chi phí tháo dỡ, đập phá và vận chuyển xà bần đi đổ nơi khác để hoàn trả mặt bằng nộp ngân sách:**

$71.874.423 \text{ đồng} - 58.570.200 \text{ đồng} = \mathbf{13.304.223}$  đồng (Mười ba triệu, ba trăm lẻ bốn nghìn, hai trăm hai mươi ba đồng).

### Hình thức tổ chức bán tài sản:

Theo điểm c Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công: “*Phương thức bán tài sản (trường hợp tài sản là trụ sở làm việc, xe ô tô, tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 250 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản thì ghi phương thức bán là đấu giá; trường hợp tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 250 triệu đồng/1 đơn vị tài sản thì giao người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản quyết định phương*

*thức đấu giá, niêm yết giá hoặc chỉ định căn cứ vào giá trị đánh giá lại và quy định tại các Điều 24, 26, 27 Nghị định này);”*

Tài sản thanh lý phá dỡ bán vật liệu thu hồi sau khi trừ chi phí tháo dỡ, đập phá và vận chuyển xà bần đi đổ nơi khác để hoàn trả mặt bằng của Trụ sở Ủy ban nhân dân phường Mỹ Bình có tổng giá trị tài sản là **13.304.223** đồng (Mười ba triệu, ba trăm lẻ bốn nghìn, hai trăm hai mươi ba đồng).

Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố đề nghị hình thức bán đấu giá do giá trị tài sản nguyên giá trên 250 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Kính trình UBND thành phố Phan Rang - Tháp Chàm xem xét giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT. H

**KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

**Nguyễn Thanh Vinh**